Machine Translated by Google

NUKOTE Polyprime I

SỰ MIÊU TẢ:

Nukote Polyprime I là loại sơ n lót polyurea urethane thơ m hai thành phần tỷ lệ 1:1, đông kết nhanh, không chảy xệ, dạng lỏng, thích hợp cho nền bê tông và nề. Nukote Polyprime I dễ thi công, đông kết nhanh và có các tính chất vật lý tuyệt vời. Nukote Polyprime I là loại sơ n lót lý tư ởng khi xử lý nhiệt độ dư ới 0.

ĐẶC TRƯ NG:

- 100% chất rắn không có VOC
- Không độc hại
- Cài đặt nhanh
- Không mùi
- Nhiệt độ đóng rắn thấp -10 °F (-12 °C)
- Thời gian phục hồi nhanh và trong dịch vụ
- Vẫn linh hoạt trong phạm vi nhiệt độ rộng

CÁCH SỬ DỤNG ĐIỂN HÌNH:

- Sơ n lót Polyurea
- Lớp sơ n lót bê tông cho các lớp phủ NCS khác

MÀU SẮC:

Màu tiêu chuẩn là Đen. Màu hổ phách trong và xám cũng có sẵn theo yêu cầu tùy thuộc vào số lư ợng tối thiểu.

ĐÓNG GÓI:

Bộ thùng phuy 100 gallon (380 lít), đư ợc vận chuyển trong thùng kim loại 50 gallon (190 lít) mỗi thùng ở mặt A và mặt B

Bộ dụng cụ 10 gallon (38 lít), đư ợc vận chuyển trong các thùng nhựa 5 gallon (19 lít) cho mỗi mặt A và mặt B

Thùng chứa 275 gallon (1045 lít).

PHẠM VI BẢO HIỂM:

Tỷ lệ rải Nukote Polyprime I là 400 ft2 /gal ở độ dày 4 mils (10 m2/lít ở độ dày 100 micron) mà không tính đến bất kỳ tổn thất nào

KHO:

Mư ời hai đến mư ời lăm tháng trong thùng chư a mở, giao tại nhà máy. Bảo quản trên pallet và tránh xa nhiệt độ cao, đông lạnh và độ ẩm.

TRỘN:

Nukote Polyprime I có thể không đư ợc pha loãng trong bất kỳ trư ờng hợp nào. Polyprime I nên đư ợc áp dụng bằng cách sử dụng hệ thống phân phối tỷ lệ đư ợc làm nóng 1:1 Sản phẩm nên đư ợc xử lý trư ớc ở nhiệt độ 80 °F (27 °C)

HẠN CHẾ:

Không mở cho đến khi sẵn sàng sử dụng và bảo quản trong hộp kín sau khi mở. Các hộp đã mở phải đư ợc sử dụng càng sớm càng tốt. Bề mặt phải khô, sạch và không có vật lạ. Không bền với tia UV. Sẽ đổi màu khi sử dụng ngoài trời

Machine Translated by Google

Bảng dữ liệu kỹ thuật

NUKOTE Polyprime I

DỮ LIỆU KỸ THUẬT (Tất cả các giá trị @ 77 °F / 25 °C) US		Hệ mét
Chất rắn theo thể tích (ASTM D2697)	100%	100%
Hợp chất hữu cơ dễ bay hơ i (ASTM D2369)	0 lb/gallon	0 gam/lít
Phạm vi lý thuyết	400 ft2 /gal @ 4 mils	10m2 / lít @ 100 micron
Trọng lư ợng riêng của vật liệu (ASTM D792)		A:1,18, B:1,1
Độ nhớt ở 77 °F /25 °C tính bằng cps ±10% (ASTM D4878)	A-20, B-20	A-20, B-20
Thời hạn sử dụng ở 77 °F /25 °C	09 đến 12 tháng	09 đến 12 tháng
Điểm chớp cháy Pensky Martin	>200 °F	> 93°C
Nhiệt độ phục vụ (Khô)	-4 °F đến 194 °F	-20°C đến 90°C
TÍNH CHẤT XỬ LÝ (Trong điều kiện phòng thí nghiệm tiêu chuẩn)		
Tỷ lệ pha trộn V/V	1:1	
Thời gian gel	5 đến 10 phút	
Thời gian không dính (phụ thuộc vào DFT và nhiệt độ)	10 đến 30 phút	
Thời gian sơ n lại tối đa	2-3 giờ	
Các đặc tính và giá trị phụ thuộc rất nhiều vào thiết bị, súng phun, nhiệt độ buồng trộn, áp suất và các thông số liên quan. Có thể có và dự kiến sẽ có sự thay đổi.		

CHUẨN BỊ BỀ MẶT:

Bề mặt của sàn bê tông phải khô, nhẵn, kết cấu chắc chắn và không có vết lõm, vảy hoặc cặn bẩn lạ nào. Loại bỏ tất cả các hợp chất bảo dư ỡng. Thổi mài mòn, thổi quét hoặc phun nư ớc để loại bỏ tất cả vật liệu tiềm ẩn và làm lộ ra các lỗ rỗng. Sử dụng chất độn epoxy hoặc vữa chất lư ợng tốt để lấp đầy lỗ rỗng và vết nứt, lớp phủ mỏng hoặc sửa chữa.
Sơ n lót, lấp đầy các khuyết điểm trên bề mặt nền để hạn chế thoát khí. Tất cả các nền bê tông, trên hoặc dư ới mặt đất phải đư ợc kiểm tra độ ẩm. Sàn hoặc tấm bê tông trên hoặc dư ới mặt đất phải đư ợc lắp đặt rào cản độ ẩm để bảo vệ khỏi độ ẩm của mặt đất. Việc chuẩn bị bề mặt bê tông phải đáp ứng và tuân thủ các tiêu chuẩn Joint NACE 6/SSPC-SP 13 và đạt đư ợc mặt cắt bê tông từ CSP 3 đến CSP 6 theo Hư ớng dẫn số 03732 của ICRI để có hiệu suất tối ư u.

ỨNG DỤNG:

Phải đư ợc áp dụng bằng cách sử dụng hệ thống phân phối tỷ lệ 1:1. Làm nóng vật liệu đến 80 °F (30 °C) trư ớc khi trộn. Hệ thống loại này chuyển, đo và trộn các thành phần đồng phản ứng Phần A và Phần B ở tốc độ rất cao và theo tỷ lệ yêu cầu. Để lớp sơ n lót khô trong 10-30 phút trư ớc khi phủ lớp phủ tiếp theo. Sản phẩm phù hợp để sử dụng trong thời tiết cực lạnh 10 °F (-12 °C).

VỆ SINH THIẾT BỊ:

Sản phẩm đã đóng rắn có thể đư ợc xử lý mà không bị hạn chế. Isocyanate chư a đóng rắn và các phần nhựa phải đư ợc trộn lại với nhau và xử lý theo quy định của địa phư ơ ng. Các thùng chứa phải đư ợc xử lý theo luật và sắc lệnh về môi trư ờng của địa phư ơ ng.

2051 Reliance Parkway, Bedford, Texas Hoa Kỳ 76021
1.832.770.7100 / www.nukoteglobal.com

Machine Translated by Google

NUKOTE Polyprime I

Nukote Polyprime I khó vệ sinh sau khi đã đông cứng. Thiết bị phải đư ợc vệ sinh bằng dung môi an toàn với môi trư ờng, theo quy định của địa phư ơ ng, ngay sau khi sử dụng.

CẢNH BÁO:

Sản phẩm này có chứa Isocyanate và dung môi.

BẢO HÀNH VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM:

Nukote Coating Systems International, một công ty tại Nevada, Hoa Kỳ bảo đảm rằng hai thành phần của sản phẩm này sẽ tuân thủ các thông số kỹ thuật đư ợc công bố trong tài liệu sản phẩm. Chất lư ợng và tính phù hợp của sản phẩm phụ thuộc vào việc pha trộn và ứng dụng đúng các thành phần của ngư ời ứng dụng. Nukote Coating Systems không có vai trò nào trong việc ứng dụng polyme thành phẩm ngoài việc sản xuất và cung cấp hai thành phần của nó. Điều quan trọng là ngư ời ứng dụng sản phẩm này phải hiểu sản phẩm và đư ợc đào tạo và cấp chứng chỉ đầy đủ về việc sử dụng nhiều thiết bị thành phần và ứng dụng nhiều vật liệu thành phần. Không có bảo hành nào vư ợt quá mô tả trên mặt của thiết bị này, ngoại trừ khi đư ợc cung cấp dư ới dạng văn bản, trực tiếp bởi Nukote Coating Systems International và đư ợc thực hiện dư ới sự chứng thực của một viên chức công ty.